TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH O ,TP. HÀ NỘI

Bản án số: 27/2023/HNGĐ
Ngày: 12/7/2023
"V/v: Tranh chấp Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH O- TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Ông: **Nguyễn Tiến Dũng**
- **Các Hội thẩm nhân dân*:***
- Bà: Nguyễn Thị Nguyệt và ông Lê Huy Trọng
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà**: Bà Phạm Anh Bích
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O, Tp Hà Nội có công văn số: 21/2023/CV-VKS ngày 26/6/2023 về việc không tham gia phiên tòa.***

Ngày 12 tháng 7 N 2023 tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh O - TP Hà Nội; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 107/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 N 2023 về: "*Tranh chấp ly h«n*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 N 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 17/2023 ngày 26 tháng 6 N 2023 giữa:

Nguyên đơn Anh **Đào Văn Đ**, sinh N 1969

Bị đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh N 1972
Đều ĐKHKTT: Thôn Song K, xã Tam H, huyện Thanh O,TP Hà Nội.
(Tại phiên tòa Anh Đ có mặt, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn vụ lêi khai tiÕp theo cña anh Đào Văn Đ thì vụ án có nội dung như sau:

Anh và chị Phạm Thị N, sinh N 1972; trú tại: Thôn Song K, xã Tam H, huyện Thanh O, kết hôn N 1993, trước khi đăng ký kết hôn anh, chị có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam H, huyện Thanh O, Tp Hà Nội, không bị ai ép buộc. sau khi tổ chức kết hôn anh và chị N chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến N 2005 thì thường xuyên sảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có anh đề nghị xin được ly hôn.

VÒ con chung: anh Đ trình bày vợ chồng có 01 con chung: Cháu Đào Hải Đăng, sinh ngày 01/5/1994. Hiện tại đã trưởng thành.

Về tµi s¶n chung, c«ng nî, công sức: Anh trình bày vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai Bị đơn Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Đào Văn Đ lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quan địa phương N 1993,

sau khi kết hôn chị về làm dâu và sinh sống tại nhà anh Đ từ đó đến nay vợ chồng sống với nhau 11 N sau đó anh Đ tự bỏ đi sinh sống với người khác từ N 2004 cho đến nay anh Đ không còn quan tâm đến chị. Nay anh Đ đề nghị xin được ly hôn chị không đồng ý.

VÒ con chung: Chị trình bày vợ chồng có 01 con chung: Cháu Đào Hải Đăng, sinh ngày 01/5/1994. Hiện tại đã trưởng thành.

Về tµi s¶n chung, c«ng nî, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

T¹i phiªn toµ h«m nay anh Đào Văn Đ vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị Phạm Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiªn cøu c¸c tµi liÖu cã trong hå s¬ vô ¸n ®-îc thÈm tra t¹i phiªn toµ vµ c¨n cø vµo kÕt qu¶ tranh luËn t¹i phiªn toµ, Héi ®ång xÐt xö nhËn ®Þnh:

Tại phiên tòa chị Phạm Thị N vắng mặt, Tòa án đã và thông báo các văn bản tố tụng cũng như tống đạt Giấy triệu tập phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa theo trình tự tố tụng của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hÖ h«n nh©n: Anh Đào Văn Đ và chị Phạm Thị N có được tự tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam H, huyện Thanh O, TP Hà Nội. Đây là hôn nhân tự nguyện và tiến bộ được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại gia đình nhà anh Đào Văn Đ được thời gian dài vợ chồng hòa thuận được khoảng 11 N và đã sinh được 01 con chung nH đến N 2005 anh chị đã sống ly thân nhau không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh Đ xin ly hôn. Việc chị N không chấp hành việc báo gọi trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án thực tế chỉ gây khó khăn cho anh Đ mà thôi. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh Đ, chị N khó có thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể đạt được Hội đồng xét xử cho anh Đ được ly hôn chị Phạm Thị N là có căn cứ đúng pháp luật.

VÒ con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Đào Hải Đăng, sinh N 1994 đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung và các yêu cầu khác: Anh Đào Văn Đ và chị Phạm Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

¸n phÝ: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271,273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí toa án.

Xử: Anh **Đào Văn Đ** được ly hôn chị **Phạm Thị N**

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Đào Hải Đăng, sinh N 1994 đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung, tài sản khác, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét trong bản án này.

Về án phí: Anh Đào Văn Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đ đã nộp được thể hiện tại Biên lai số: 0054167 ngày 02 tháng 6 N 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O, TP Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án 12 tháng 7 N 2023

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được kết quả Bản án hoặc Niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã Tam H, huyện Thanh O, TP Hà Nội.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện Thanh O;*
- *UBND nơi cư trú của các đương sự*
- *Chi cục THADS huyện Thanh O*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng